



HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

(Xem demo nội dung sách được trích dưới đây)

TỬ VI ÁO BÍ
BIỆN CHỨNG HỌC

SÀI GÒN

1972

Phát đoạn từ

1. Một lời nói của bậc đạ nhân, Đức Trọng-Trình: Hoàn sơn nhất đái, túc dĩ dung thân, đã giúp cho nhà Nguyễn hơn hai trăm năm vương nghiệp, và hơn một thế kỷ đế nghiệp.

2. Cao-Bằng tuy tiểu khả diên sở thế, mà họ Mạc đã rút lui về đất Cao-Bằng, giữ được nghiệp hơn sáu mươi năm.

3. Cũng một lời: Kim tuế bất nãm, nhĩ đẳng thu điền đương dụng cựu cốc (năm nay mất mùa hãy lấy thóc cũ làm giống) mà họ Trịnh biết nghe theo, với thời gian hơn hai trăm năm phi vương phi bá quyền thiên hạ, đã không đoạt ngôi nhà Lê, với bối cảnh một quốc

gia lấy tinh thần Nho giáo làm ánh sáng tuyệt đối tôn quân, có vua lại có chúa, mà quyền hành tập trung ở Chúa cả.

Phải chăng các bậc quân-vương đã biết tin tưởng vào sự quán-thông của Cụ Trình-Quốc-Công, mà nước nhà mới có một giai đoạn lịch sử hy hữu vậy.

Đổi lại Trung-Quốc sử minh chứng cho ta thấy chỉ có một triều đại nhà Tống, là không sát hại các công thần cả tân cựu triều, lại cùng đồng bàn âm mưu, chan chứa hạnh phúc thái bình thông cảm, mãi tiệp lại được chia của cải trong kho, kẻ lui về điền viên lạc đạo, không sợ bị vắn tội cựu triều, người ở lại phò tá chấn hưng tân triều thêm thịnh đạt.

Vì nguyên nhân thời mạt Đường loạn-lạc, bà thân mẫu gánh hai con đi tỵ nạn, cậu Triệu-Khuôn-Dẫn và Triệu-Khuôn-Nghĩa trạc độ năm ba tuổi gặp đức Trần-Đoàn tại núi Phú-sơn, là nơi tiên sinh thường lai vãng thường ngoạn, tiên sinh mới hỏi bà : hà vật lão ẩu, bà trả lời đưa hai con đi tránh loạn, tiên sinh tự nói : Nhất đơm lương thái bình thiên tử (một vai mà hai ông vua Thái-Bình), rồi hỏi bà, muốn có tiền bà bán trái núi trước mặt kia cho tôi, bà trả lời núi của Vua sao tôi bán được, tiên sinh nói cứ bán cho tôi không sao, đoạn bà xé áo của mình và hai con, lấy miếng vải nhỏ bỏ vào ống đũa, coi như vắn tự, trao cho tiên sinh để thọ lãnh 10 lượng bạc.

Thấm thoát thoi đưa, thời lai phong tống, 2 cậu nhỏ này trải qua thời loạn, đã nghiêm nhiên trở thành hai vị tướng được hiệu lệnh đi tiểu giặc.

Xuất phát binh quyền tới cậu Trần-Kiều thì quay trở về, hạ Vua Đường xuống để lên ngôi báu, là Tống-Thái-Tổ tức vua Triệu-Khuôn-Dẫn, khi băng hà truyền ngôi cho em là Triệu-Khuôn-Nghĩa.

Khi ở ngôi cửu ngũ, chắc có nhiều vị quân thần trình lên kế hoạch, dùng hay nên giết tiên sinh, vì sợ là bậc có tài, nên mới có việc nhiều lần sứ thần vờ ra làm việc, cho tiền bạc châu báu, gái đẹp, thu thuế và bức bách đuổi đi, tiên sinh không nhận bất kể điều chi, chỉ kính cẩn nói xin hỏi lại Thái-Hoàng Thái-Hậu sẽ rõ tự sự, và dâng vua Thái-Tổ mấy vần thơ để tỏ ý mình.

Thơ

Băng vi cơ phách ngọc vi tai

Nhục hạ quân vương Tống đảo lai

Xử sỹ bất tri vu giáp mộng

Không lao thần nữ hạ dương đài.

Phải chăng khi biết được chuyện bán đất, và tư-tưởng thoát-tục của tiên sinh, thời hiển nhiên là bậc thân tiên-tri, hơn nữa những quốc sách an bang tế thế, đàm luận với sứ thần nhiều lần qua lại cũng được dâng lên Tống-Thái-Tổ nên triều đại này mới có việc làm phi thường được lịch sử khen tặng là đệ nhất nhân đức vậy.

Đến đời vua Tống-Nhân-Tôn phong tặng tiên sinh tôn danh Hi Di.

Khi sinh tiền, tiên sinh là một bậc bác học uy thâm tu luyện tại núi Phù-sơn đặc đạo mà lập ra môn Tử vi đầu số, căn cứ vào phương-vị tinh-tú ảnh-hưởng, mà biết vận hành họa phúc của con người và quốc gia.

Nghiên cứu hiểu biết cao bao nhiêu, thời lòng ngưỡng mộ đối với tiên-sinh càng nghiêm-cẩn bấy nhiêu, vì biết được họa phúc của một người, là biết được cả muôn người.

Nếu hiểu biết là đường sáng, là kim chỉ nam, hướng dẫn ta đạt được tận thiện mỹ về cách xử thế và hành trang, để vươn lên trong cuộc sống cạnh tranh sinh tồn này.

Biết bao nhiêu vết tích của dân tộc Lạc-Việt ta đã để lại trên 18 bình nguyên Trung-Quốc, ra đi phiêu bồng, rồi định nghiệp trên giải đất tuy nhỏ bé, nhưng cảm tú, đã quay

cuồng vô ý thức trong cuộc chiến bi oa chữ nhục, mà chịu cảnh xuyên-huyết sơn-hài, hiên-mẫu chinh-phụ, cô-nhi quả-phụ, từ thành thị tới thôn quê, thật là tang thương đến cả hoa cỏ này. Phải chăng biết là cần thiết, là cứu cánh của dân tộc ta, vì chỉ có biết mới sống, biết cái thế hoàng long Việt-Nam, biết cái thế bát tự phân lưu hư hoa Hanoi, biết cái thế thần quy long mã lạc hà đồ Saigon, biết cái thế nam phương binh đỉnh hỏa, hỏa thăng lên vùn vụt, để hồi đầu cố tổ, lập lại một Việt bang xuân thái, ngũ bách niên thiên hạ vậy.

Vì ý nghĩ biết bất kể phương diện nào cũng thiết dụng, hơn nữa Tử-vi đầu-số tuy là môn lý-học áo-bí, vi-diệu, nhưng ngày nay, hiển nhiên các nhà thông thái đã chứng nghiệm qua các thiên văn đài và viễn vọng kính, là khoa toán học tinh đầu, nếu sự lập thành, nhất nhất phải dùng đến sách vở, sẽ vấp biết bao cản trở, và dễ đưa tới chán nản.

Nhưng nếu nhập tâm được các quy luật qua một số bài thơ và lập được lá số trên bàn tay, tất sẽ lợi dụng được tất cả thời gian nhàn rỗi, trong giường ngủ, ngoài đường phố, trên xe trên tàu, hay cùng nhau đàm đạo, đều có thể suy-luận, khảo-sát, để thăng tiến mau trên con đường lý-học được.

Nên tôi mạo muội xuất bản cuốn sách này, không kể tài hèn sơ thiển, thật là múa rìu qua mặt Lỗ-Ban, cũng không ngoài lòng sở vọng trên vậy.

Kính mong các bậc cao minh thứ tha chỉ giáo và chư vị niệm tình.

Kính đề

tại Thủ-đô Saigon Mạnh Thu năm Nhâm Tý.

HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

Chương 1

CÁCH LẬP THÀNH MỘT LÁ SỐ TỬ-VI TRÊN GIẤY

KHỞI SỰ ĐỊNH CUNG

1- Lấy một tờ giấy chia làm 12 ô (cung) tùy theo khuôn giấy lớn nhỏ:

6 Ty	7 Ngọ	8 Mùi	9 Thân
5 Thìn			10 Dậu
4 Mão			11 Tuất
3 Dần	2 Sửu	1 Tý	12 Hợi

HÌNH VẼ THÍ DỤ

Mỗi Ô được định danh là một cung.

Khởi từ cung ghi số 1 là cung tý,

Ô số 2 là cung Sửu

Ô số 3 là cung Dần

Ô số 4 là cung Mão

Ô số 5 là cung Thìn

Ô số 6 là cung Ty

Ô số 7 là cung Ngọ

Ô số 8 là cung Mùi

Ô số 9 là cung Thân

Ô số 10 là cung Dậu

Ô số 11 là cung Tuất

Và Ô số 12 là cung Hợi.

2- Áp dụng của 12 chi:

Thập nhị địa chi là tên dùng, để chỉ 12 năm như thường, nghe nói tuổi Tý, tuổi Dần, tuổi Hợi... được dùng để chỉ cho 12 cung trong 1 lá số, thường gọi là Địa Bàn, mà vị trí ở địa bàn này không thay đổi như hình trên, khởi từ cung Tý... tới cung Hợi.

An xong 12 cung cố định rồi, còn một khoảng trống giữa dùng để ghi danh hiệu, năm, tháng, giờ sinh.

- a- Dương số thuộc Âm hay Dương.
thuộc Nam hay Nữ

Vi nam có âm nam, hay dương nam
và nữ có âm nữ , hay dương nữ

- b- Dương số mạnh thuộc hành nào của ngũ hành.
- c- Và thuộc cục nào của ngũ cục.
khoảng trống giữa được gọi là cung Thiên Bàn.

THÍ DỤ CUNG THIÊN BÀN Ô 13

	Ô 13 Ông và Bà Vũ-Văn-Việt sinh ngày____ tháng____ giờ, năm Bính Dần Dương Nam Hỏa mạng Mộc tam cục		

Tùy theo nam hay nữ mà ghi ở cung Thiên Bàn, và ba mục trên sẽ được phân định, nhưng tạm gác lại để định giờ sinh trước.

3- Phép định giờ

Một ngày và một đêm là 24 giờ đồng hồ. cứ 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ theo âm lịch để tính số Tử-vi.

Và giờ âm lịch được tính kể từ không giờ tức là 24 giờ đến 2 giờ là giờ Tý, và cứ tuần tự tính 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ âm lịch là Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và giờ Hợi tức là 22 giờ tới 24 giờ.

LIỆT KÊ THEO GIỜ HIỆN HÀNH

Từ	0 giờ	đến	2 giờ	là	giờ	:	TÝ
Từ	2 giờ	đến	4 giờ	là	giờ	:	SỬU
Từ	4 giờ	đến	6 giờ	là	giờ	:	DẦN
Từ	6 giờ	đến	8 giờ	là	giờ	:	MÃO
Từ	8 giờ	đến	10 giờ	là	giờ	:	THÌN
Từ	10 giờ	đến	12 giờ	là	giờ	:	TỶ
Từ	12 giờ	đến	14 giờ	là	giờ	:	NGỌ
Từ	14 giờ	đến	16 giờ	là	giờ	:	MÙI
Từ	16 giờ	đến	18 giờ	là	giờ	:	THÂN
Từ	18 giờ	đến	20 giờ	là	giờ	:	DẬU
Từ	20 giờ	đến	22 giờ	là	giờ	:	TUẤT
Từ	22 giờ	đến	24 giờ	là	giờ	:	HỢI

4- Định phân cung số

Khoa Tử-vi được chia thành 12 cung là các cung kê sau:

Mạnh-viên để chỉ tính mạnh của mình.

Huynh-đệ Chỉ anh em.

Phu-quân (thê thiếp) tùy theo Nam hay Nữ.

Tử-túc Chỉ con cái.

Tái-bạch Chỉ tiền của.

Tật-ách Chỉ bệnh hoạn.

Thiên-ri Chỉ xuất ngoại.

Nô-bộc bạn bè và gia nhân.

Quan-lộc Nghề nghiệp, hoạn lộ.

Điền-trạch Cửa nhà ruộng vườn.

Phúc-đức Phúc ảm của nhà mình.

Phụ-mẫu Cha mẹ.

Và 1 cung thứ 13 nữa là cung Thân, chỉ cuộc đời mình sẽ phong trần hay vinh hoa ra sao.

5-Phép an cung mạnh.

Biết được giờ sinh thuộc chi nào của giờ Âm lịch theo Tý Sửu rồi.

- Bắt đầu tính từ cung Dần (cung số 3) là tháng giêng.
- Mỗi cung một tháng, tính theo chiều thuận tới tháng sinh.
- Kể luôn cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tới giờ sinh, ngưng tại cung nào.

Kể cung ấy là cung mạnh.

và viết Mạnh viên vào cung ấy.

CHIỀU THUẬN VÀ CHIỀU NGHỊCH

Chiều thuận và chiều nghịch được tính theo vòng kim đồng hồ.

THÍ DỤ Ở TỬ VI:

Người sinh tháng 4 giờ Dần.

An cung Mạnh, tháng sinh tính thuận.

Khởi tháng giêng ở cung Dần

tháng hai ở cung Mão

tháng ba ở cung Thìn

tháng tư tới cung Tỵ cho người sinh tháng tư, như vậy là thuận theo kim đồng hồ.

An Mạnh giờ sinh tính nghịch.

Khởi giờ Tý ở cung Tý là cung ngưng lại là tháng tư.

Giờ Sửu ở cung Thìn.

Giờ Dần ở cung Mão cho người sinh giờ Dần, như vậy là nghịch theo kim đồng hồ.

Sau khi ghi Mạnh-viên rồi, kế tiếp theo chiều nghịch.

An các cung khác là Huynh, Thê (Phu nếu là phái Nữ), Tử, Tài, Ách, Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ, cho đủ 12 cung, chỉ cần viết tắt 1 chữ như vậy là đủ hiểu.

6-Phép an Thân

Kể cung Dần là tháng giêng, mỗi cung một tháng.

Tính theo chiều thuận tới tháng sinh.

Kể luôn cung ấy là giờ Tý.

Tính luôn theo chiều thuận tới giờ sinh

Ngưng lại cung nào, an Thân ở cung ấy.

vị trí Thân chỉ ở 6 cung.

Mạnh, Thê (Phu), Tài, Ri, Quan, Phúc.

Nếu ở vào 6 cung khác là sai.

7- Phép tìm cục:

Khi an xong Mạnh và Thân, muốn an được 2 chòm sao Tử-vi và chòm sao Thiên-phủ, phải căn cứ vào hàng thiên-can của tuổi, và mạnh an ở cung nào mới tìm ra Cục được.

Thập thiên can là :

Giáp Ất Bính Đinh Mậu

Kỷ Canh Tân Nhâm Quý

được chia đi đôi với nhau để tìm cục.

như: Giáp Kỷ

Ất Canh
 Bính Tân
 Đinh Nhâm
 Mậu Quý

Nên luôn luôn nhớ là:

- 1- Phải biết Thiên-can của tuổi can là gì.
- 2- Mạnh cư ở cung nào trong 12 cung. Thường gọi là ngũ cục như sau:
 - 1- Thủy nhị cục
 - 2- Mộc tam cục
 - 3- Kim tứ cục
 - 4- Thổ ngũ cục
 - 5- Hỏa lục cục

8- BẢNG LIỆT KÊ 10 HÀNG CAN VÀ CUNG AN MẠNH ĐỂ TÌM CỤC.

BẢNG 1 CỦA TUỔI GIÁP VÀ KỶ

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỦY nhị cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	HỎA lục cục
THÌN TỶ	MỘC tam cục
NGỌ MÙI	THỔ ngũ cục
THÂN DẬU	KIM tứ cục

BẢNG 2 CỦA TUỔI ẤT VÀ CANH

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỔ lục cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỔ ngũ cục
THÌN TỶ	KIM tứ cục
NGỌ MÙI	MỘC tam cục
THÂN DẬU	THỦY nhị cục

BẢNG 3 CỦA TUỔI BÍNH VÀ TÂN

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỔ ngũ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	MỘC tam cục
THÌN TỶ	THỦY nhị cục
NGỌ MÙI	KIM tứ cục
THÂN DẬU	HỎA lục cục

BẢNG 4 CỦA TUỔI ĐINH VÀ NHÂM

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	MỘC tam cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	KIM tứ cục
THÌN TỶ	HỎA lục cục
NGỌ MÙI	THỦY nhị cục
THÂN DẬU	THỔ ngũ cục

BẢNG 5 CỦA TUỔI MẬU VÀ QUÝ

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	KIM tứ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỦY nhị cục
THÌN TỶ	THỔ ngũ cục
NGỌ MÙI	HỎA lục cục
THÂN DẬU	MỘC tam cục

9- Phép an sao Tử-vi

Tử-vi an theo cục và ngày sinh.

Vậy phải tìm xem Tử-vi cố định ở vị trí nào trên 12 cung.

Và Tử-vi tinh đổi vị trí tùy theo mỗi cục.

Bảng kê Tử-vi theo 5 cục
Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc
THỦY NHỊ CỤC

8 – 9	10 – 11	12 - 13	14 – 15
6 – 7 – 30			16 – 17
4 – 5 – 28 – 29			18 – 19
2 – 3 – 26 – 27			20 - 21

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc
MỘC TAM CỤC

4 – 12 – 14	7 – 15 – 17	10 – 18 – 20	13 – 21 – 23
1 – 9 – 11			16 – 24 - 26
6 – 8			19 –27 –29
3 – 5	2 – 28	25	22 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

KIM TỬ CỤC

6 – 16 – 19 – 25	10 – 20 – 23 – 29	14 – 21 – 27	18 - 28
2 – 12 – 15 – 21			22
8 – 11 – 17			26
4 – 7 – 13	3 – 9	5	1 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

THỔ NGŨ CỤC

8 – 20 – 24	1 – 13 – 25 – 29	6 – 18 – 30	11 – 23
3 – 15 – 19 – 27			16 – 28
10 – 14 – 22			21
5 – 9 – 17	4 – 12	7	2 – 26

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

HỎA LỤC CỤC

10-24-29	2-16-30	8-22	14-28
4-18-23			1-20
12-17-27			7-26
6-11-21	5-15-25	9-19	3-13

Khi biết được vị trí và an Tử-vi xong, theo chiều nghịch mà an Thiên-cơ, bỏ cách một cung an Thái-dương tiếp theo Vũ-khúc, đến Thiên-Đồng, bỏ cách hai cung và an sao Liêm-Trinh.

Tử vi tinh hệ gồm 6 sao.

Tử vi, thiên cơ, Thái dương, Vũ khúc, Thiên đồng và Liêm Trinh.

10- Phép an chòm sao Thiên-phủ:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát, Phá-quân.

Chòm sao thiên phủ an theo chiều thuận, các sao liên tiếp theo các cung, chỉ trừ sao Phá-quân thì bỏ cách đi 3 cung như sau:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát mỗi cung 1 sao, và bỏ cách 3 cung mới an sao Phá-quân ở cung thứ 4.

TÌM VỊ TRÍ SAO THIÊN-PHỦ

Muốn biết sao Thiên-phủ ở cung nào, xin coi trên bảng ghi vị trí của sao Tử-vi và Thiên-phủ hiện hành trên 12 cung.

A - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-vi Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ

Nếu muốn an số trên bàn tay, nên nhập tâm hai bản đối chiếu vị trí Thiên-phủ với Tử-vi này, riêng 2 câu ca an Tử-vi và Thiên-phủ ở mục Tử-vi an trên bàn tay.

Riêng cung dần và cung Thân thì Tử-vi và Thiên-phủ bao giờ cũng cư đồng cung.

B - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Tử-vi Thiên-Phủ
Thiên-Phủ			Tử-vi
Thiên-Phủ			Tử-vi
Tử-Vi Thiên-Phủ	Tử-vi	Tử-vi	Tử-vi

Hai cung Tỵ và Hợi :

Tử-Vi ở cung Tỵ thì Thiên-Phủ ở Hợi cung ; và Thiên-Phủ ở cung Tỵ thì Tử-Vi ở Hợi cung.

THÍ DỤ BẢNG A

Tử-Vi ở cung Mùi sao Thiên-Phủ ở cung Dậu.

Tử-Vi ở cung Ngọ sao Thiên-Phủ ở cung Tuất.

Tử-Vi ở cung Tỵ sao Thiên-Phủ ở cung Hợi.

Tử-Vi ở cung Thìn sao Thiên-Phủ ở cung Tý.

Tử-Vi ở cung Mão sao Thiên-Phủ ở cung Sửu.

Và Vị trí của Tử-Vi Thiên-Phủ cũng ngược lại như ở Bảng B.

Như vậy là đã lập được một số lá gồm có Mệnh và Thân đủ 12 cung.

An luôn được chòm sao Tử-Vi gồm 6 sao và chòm sao Thiên-Phủ gồm 8 sao.

Cộng lại là 14 chính tinh.

CHƯƠNG 2
CÁCH LẬP THÀNH TỬ-VI TRÊN BÀN TAY

1– Khi đã biết được năm tháng, ngày giờ sinh.

– Để ngửa bàn tay trái, và hình dung các cung trên bàn tay theo một số lá số Tử-vi an trên giấy, sẽ có các cung như hình vẽ.

Tập nhìn đi nhìn lại cho quen các địa chỉ, tức là các Cung từ Cung Tý số 1.

Cung Sửu	số 2
Cung Dần	số 3
Cung Mão	số 4
Cung Thìn	số 5
Cung Tỵ	số 6
Cung Ngọ	số 7
Cung Mùi	số 8
Cung Thân	số 9
Cung Dậu	số 10
Cung Tuất	số 11
Và Cung Hợi	số 12

thường gọi là địa-bàn gồm 12 cung, mà 12 địa chỉ Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, gắn liền với cung cố-định không thay đổi.

2– Cách an mệnh:

– Sau khi phân định được vị trí của 12 cung, nhất là cung Dần và biết giờ sinh thuộc chi nào của Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi.

– Dùng ngón tay cái để tính số.

– Bắt đầu tính cung Dần là tháng giêng.

– Mỗi cung một tháng, tính theo chiều thuận đến tháng sinh.

– Kể cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tới giờ sinh.

– Ngưng tại cung nào, an Mệnh ở cung ấy.

– Kể tiếp an các cung khác theo chiều nghịch, nhưng chỉ dùng một chữ đầu như Mạnh, Huynh,...Phụ mà thôi

như Mạnh-Viên

Huynh-đệ

Thê-thiếp (hay Phu-quân)

Tử-tức

Tài-bạch

Tật-ách hay giải ách

Thiên-ri

Nô-bộc
 Quan-lộc
 Điền-trạch
 Phúc-đức
 và cuối cùng là Phụ-mẫu

3– Các công thức cần phải nhập tâm để an Tử-vi trên bàn tay.

1– Thuộc lòng và nhìn nhận vị-trí mười hai cung trên bàn tay.

2– Danh đề của 12 tuổi.

Tên của 12 cung.

và 12 giờ sinh.

đều lấy chung ở thập nhị địa chỉ là :

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty

Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi

Nên thuộc lòng theo thứ tự của 12 địa chỉ này để dễ dàng về sau.

3– Nhập tâm các danh từ trên 12 cung, bằng cách vắn tắt chỉ dùng 12 chữ đầu của các cung.

Mạnh, Huynh, Thê, Tử, Tài, Ách

Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ

✽

TỬ-VI NAM MẠNH CA

Tử-vi thiên trung đệ nhất tinh.

Mạnh Thân tương ngộ phúc tài hưng.

Nhược phùng tướng tá cung trung hội.

Phú quý song toàn bá lạnh danh.

TẬP ĐỐI CHIẾU HÌNH VẼ BÀN TAY 12 CUNG

Và hình vẽ lá số 12 cung trên giấy

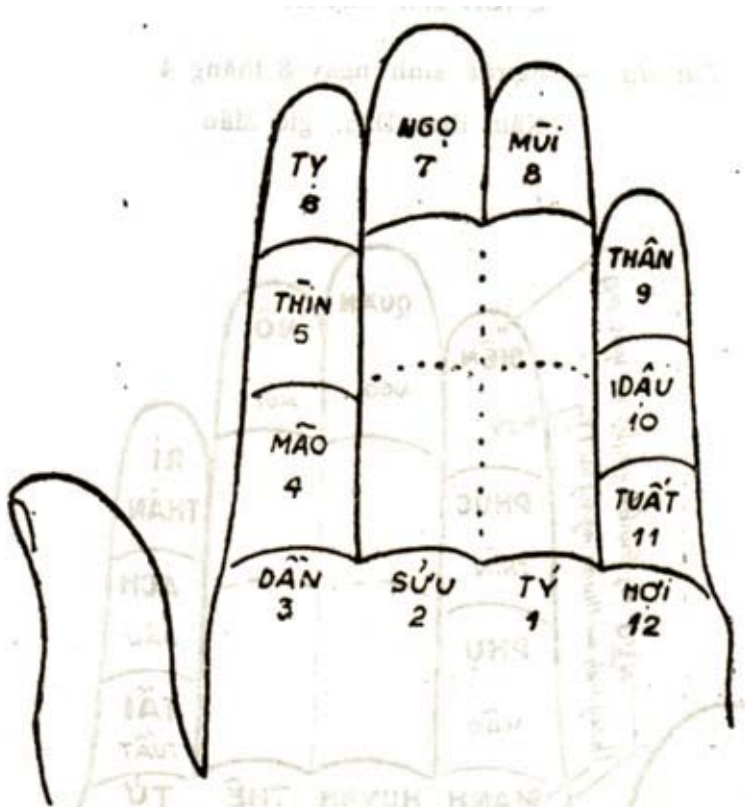
HÌNH VẼ 1 LÁ SỐ TRÊN GIẤY

6	7	8	9
Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân
5			10
Thìn			Dậu
4			11
Mão			Tuất
3	2	1	12
Dần	Sửu	Tý	Hợi

← An thuận An nghịch →

- 1- Tập nhìn nhận vị trí cung Dần để biết an MẠNH và THÂN.
- 2- Vị trí cung Tý
- 3- Vị trí cung Ngọ
- 4- Vị trí cung Thìn
- 5- Vị trí cung Tuất
- 6- 2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính các sao.

HÌNH VẼ BÀN TAY GỒM 12 CUNG



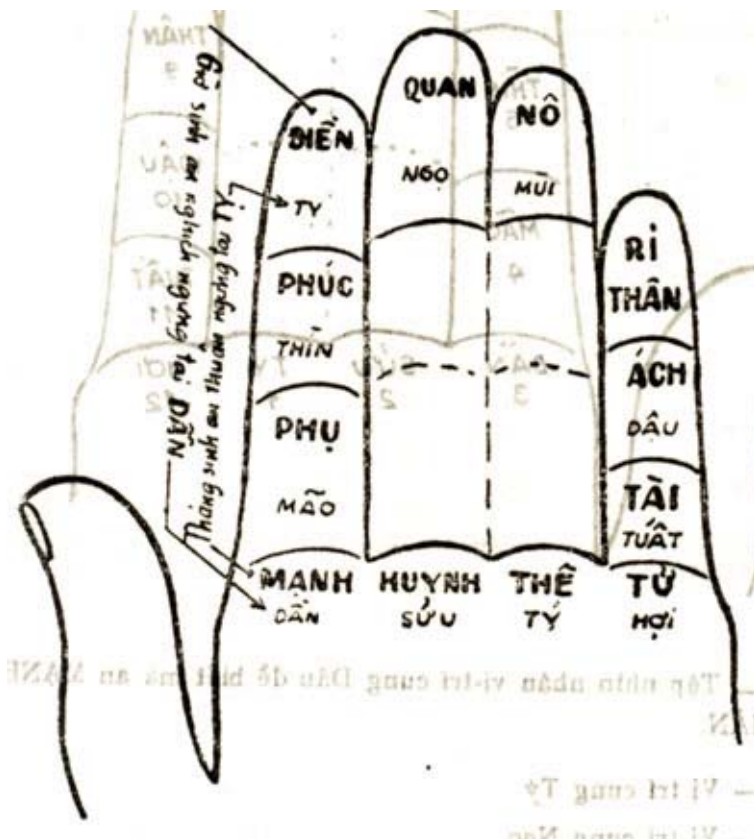
- 1 - Tập nhìn nhận vị-trí cung Dần để biết mà an MẠNH và THÂN
- 2 - Vị trí cung Tý
- 3 - Vị trí cung Ngọ
- 4 - Vị trí cung Thìn
- 5 - Vị trí cung Tuất
- 2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính nhiều các sao sau này

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP MẠNH

Thí dụ : người sinh ngày 8 tháng 4

Năm Bính Dần, giờ Mão



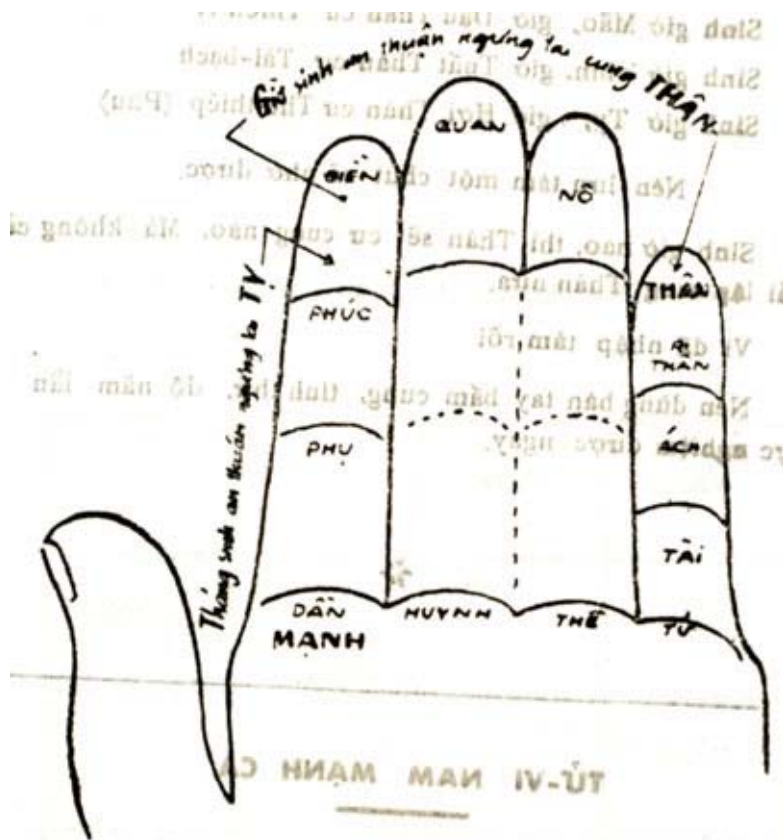
GHI NHẬN : Tháng sinh tính thuận tới cung Tý ngưng lại
Giờ sinh tính nghịch với cung Mão ngưng lại

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP THÂN

- Khởi từ cung Dần là tháng giêng
- Tính thuận tới tháng sinh
- Ngưng lại cung nào
- Kề cung ấy là giờ Tý
- Tính thuận tới giờ sinh

Ngưng tại cung nào
Lập Thân ở cung ấy.



NHẬN XÉT:

- Thân lập tại cung Thiên-Ri vì:
- Tháng sinh tính thuận ngưng tại cung Ty.
- Giờ sinh tính thuận ngưng tại cung Thân.

BẢNG LIỆT KÊ CUNG THÂN

Thân cư tại các cung theo giờ sinh

Sinh giờ Tý thì Mạnh và Thân cư đồng cung

Sinh giờ Ngọ thì Mạnh và Thân cũng đồng cung

Sinh giờ Sửu, giờ Mùi Thân cư Phúc-đức

Sinh giờ Dần, giờ Thân Thân cư Quan-lộc

Sinh giờ Mão, giờ Dậu Thân cư Thiên-ri

Sinh giờ Thìn, giờ Tuất Thân cư Tài-bạch

Sinh giờ Ty, giờ Hợi Thân cư Thê-thiếp (Phu)

Nên lưu tâm một chút sẽ nhớ được.

Sinh giờ nào, thì Thân sẽ cư cung nào, Mà không cần phải lập cung Thân nữa.

Vi đã nhập tâm rồi

Nên dùng bàn tay bấm cung, tính thử, độ năm lần sẽ thực nghiệm được ngay.

✱

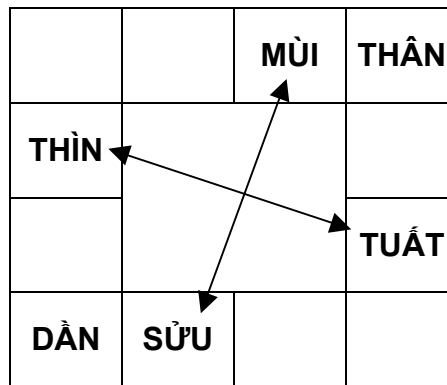
TỬ-VI NAM MẠNH CA

Hỏa Linh Dương Đà lai tương hội.
 Thất Sát đồng cung đa bất quý.
 Khi nhân cô độc cánh hình thương.
 Nhược thị không-môn vi cát lợi.

5- Nhập tâm các cung xung chiếu theo hình mũi tên.

- 1- Cần ghi nhớ vị trí 4 cung Thìn – Tuất
 Và Sửu – Mùi

để làm tiêu chuẩn, giúp cho sự nhập tâm các cung khác, vì 2 cung Thìn, Tuất để khởi tính các sao. Và 2 cung Sửu, Mùi thường hay có cách giáp biên.

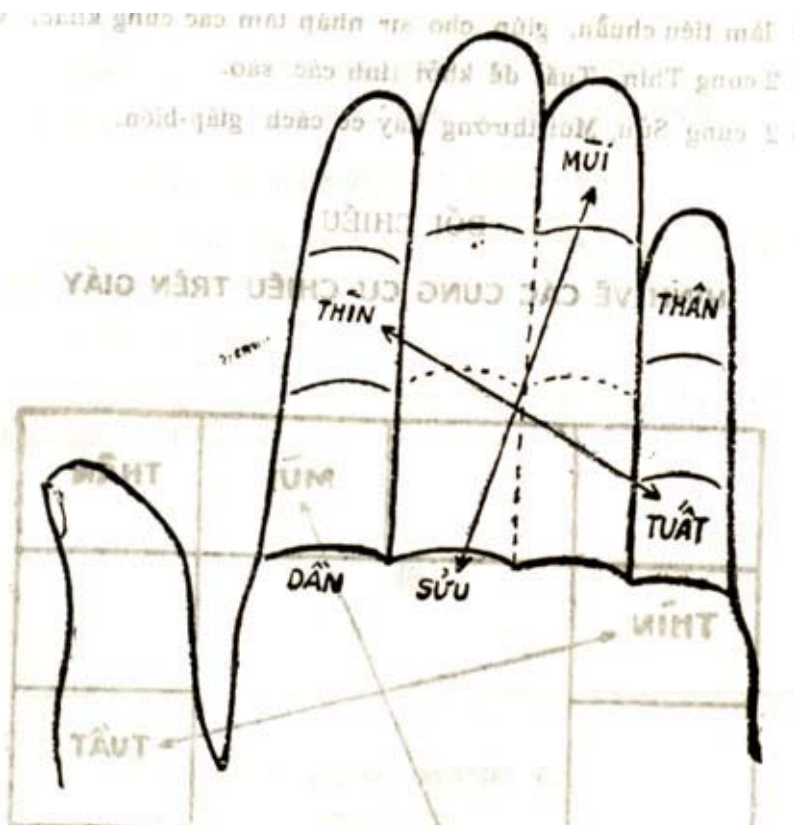
ĐỐI CHIẾU**HÌNH VẼ CÁC CUNG CỰ CHIẾU TRÊN GIẤY**

4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọi là *Tứ-Mộ*

Nhận định vị trí các cung

HÌNH VẼ CÁC CUNG XUNG CHIẾU TRÊN BÀN TAY

4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọi là *Tứ-Mộ*



Nên luôn tập ghi nhớ các cung trên bàn tay.

2 cung Thìn Tuất xung chiếu để an các sao THUẬN NGHỊCH.

2 cung Sửu Mùi thường có cách GIÁP BIÊN.

6-Phép Định Cục.

PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT

1- Đây là một mục rất quan trọng, và coi như khó nhất của khoa Tử-vi lập thành, nên lưu tâm cẩn thận.

2- Trước hết phải tìm xem tuổi thuộc can nào của thập thiên-can là:

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu
Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý

Đã được xếp sẵn song-hành cùng nhau cho việc tìm cục như sau:

Giáp Kỷ
 Ất Canh
 Bính Tân
 Đinh Nhâm
 Mậu Quý

coi như một bài thơ, đọc xuôi luôn là:

Giáp Kỷ, Ất Canh, Bính Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý
 Cứ 2 chữ một chữ, như Giáp Kỷ, rồi Ất Canh v.v...

Để sau này gặp tuổi có can nào, đọc câu thơ của can ấy lên, sẽ biết được cục của nó là cục gì ngay.

NHẬN XÉT:

Cần nhận xét bài thơ sau đây, vì trong mỗi chữ, đều có sẵn bộ chảm thủy, bộ mộc, chữ Kim, chữ Hỏa, chữ Thổ, như thế có thể biết ngay thuộc cục nào của ngũ cục.

Thí dụ: Chữ Giang có Chảm Thủy : sẽ là Thủy nhị cục.

Chữ Đấng có bộ Hỏa : sẽ là Hỏa lục cục.

Chữ Giá có bộ Mộc : sẽ là Mộc tam cục.

Chữ Bích có bộ Thổ : sẽ là Thổ ngũ cục.

Chữ Ngân có bộ Kim : sẽ là Kim tứ cục.

NHẬP TAM BÀI THƠ TÌM CỤC NÀY

GIÁP KỶ Giang Đấng Giá Bích Ngân

ẤT CANH Yên Cảnh Tích Mai Tân

BÍNH TÂN Đề Liễu Ba Ngân Trúc

ĐINH NHÂM Mai Tiễn Chước Hải Trần

MẬU QUÝ Ngân Ba Đôi Chước Liễu

Ngũ hành lập cục tẩu như vân

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục tòng Dần Mão cục ví chân.

**THIÊN-CƠ NAM MẠNH CA**

Cơ-Nguyệt Thiên-Lương hợp Thái-dương.

Thường nhân phú túc trí điền trang.

Quan viên đắc ngộ Khoa Quyền Lộc.

Chức vị cao thiên diện Đế Vương.

BẢNG LIỆT KÊ CÁC CHỮ CỦA BÀI THƠ**NẾU BIẾT CHỮ HÁN**

vì nếu chữ Hán, đọc chữ Giang có chảm thủy, đã biết ngay là thủy nhị cục rồi.

Các chữ kia cũng đều như thế cả

Giáp Kỷ				
Giang	Đấng	Giá	Bính	Ngân
Thủy 2 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục

		Át Canh		
Yên	Cảnh	Tích	Mai	Tâm
Hỏa 6 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục

		Bính Tân		
Đề	Liểu	Ba	Ngân	Trúc
Thổ 5 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục

		Đinh Nhâm		
Mai	Tiền	Chước	Hải	Trần
Mộc 3 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục

		Mậu Quý		
Ngân	Ba	Đôi	Chước	Liểu
Kim 4 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục

CHÚ Ý: Khi tính cục thì cứ 2 cung, kể là một chữ trong bài thơ.

Thí dụ: Chữ Giang chung cả hai cung Tý và Sửu

Chữ Đãng chung cả hai cung Dần và Mão

- Tất cả 5 câu thơ để tìm cục, cùng khởi từ cung Tý Sửu
- và 1 chữ là cục chung của hai cung, khi thấy cung Mạnh cư ở hai cung ấy.
- Hai cung Dần và Mão thuộc cục nào, thì hai cung Tuất và Hợi thuộc cục ấy.

Là do nghĩa ở hai câu thơ cuối cùng.

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục lòng Dần Mão cục vi chân.

TẬP NẠP ÂM VÀ BẮM CUNG

Thí dụ : Tuổi sinh thuộc can Giáp hay Kỷ.

- Tự hình dung Giáp hay Kỷ trong trí nhớ.
- Miệng nạp âm Giang, thời ngón tay cái bắt đầu chấm vào cung Tý rồi Sửu (vì hai cung Tý Sửu ăn chung một chữ Giang, hay bắt kể chữ nào của bài thơ, cũng một chữ tính chung cho 2 cung cả)
- Kế tiếp miệng nạp âm Đãng tay bấm vào 2 cung Dần rồi Mão.
Kế tiếp miệng nạp âm Giá tay bấm vào 2 cung Thìn rồi Ty.

Kế tiếp miệng nạp âm Bích tay bấm vào 2 cung Ngọ rồi Mùi.

Kế tiếp miệng nạp âm Ngân tay bấm vào 2 cung Thân rồi Dậu.

- 4- Như thế là hết câu thơ nạp âm của hàng can Giáp và Kỷ nhưng còn thiếu hai cung Tuất và Hợi chưa có Cục. Hãy lấy cục của hai Cung Mão Dần làm cục cho 2 cung Tuất Hợi.

Đây là cách tập nạp âm bấm cung cho tất cả các hàng can của bài thơ.

Khi nạp âm điểm cung, nên nhớ gặp Mạnh tại cung nào, ngưng tại cung ấy, cũng như nạp âm ngưng tại chữ nào là cục ấy vậy.

Bảng liệt kê, Mạnh cư cung nào, thuộc cục nào.

Thí dụ : Tuổi thuộc hành can:

Giáp Kỷ

Dùng câu thơ

Giang Đẳng Giá Bích Ngân

Mạnh cư cung Tý và Sửu gặp chữ Giang là Thủy nhị cục

Mạnh cư cung Dần và Mão gặp chữ Đẳng là Hỏa lục cục

Mạnh cư cung Thìn và Tỵ gặp chữ Giá là Mộc tam cục

Mạnh cư cung Ngọ và Mùi gặp chữ Bích là Thổ ngũ cục

Mạnh cư cung Thân và Dậu gặp chữ Ngân là Kim tứ cục

Mạnh cư cung Tuất và Hợi gặp chữ Đẳng là Hỏa lục cục

Hai cung Tuất và Hợi là Đẳng vì cũng như Dần Mão.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

.....

(Còn tiếp)

.....

MỤC LỤC

Trang bìa số Đức LÊ-THÁI-TỔ
Sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu

TRANG

Phát đoạn từ

CHƯƠNG 1

Cách lập thành lá số trên giấy.....

Phép an cung Mạnh.....

Phép lập cung Thân.....

CHƯƠNG 2

Cách lập thành Tử-vi trên bàn tay.....	
Cách lập Mệnh trên tay	
Cách lập Thân trên tay.....	
Thơ tìm cục.....	
Hình vẽ tìm cục.....	
Phần tìm cục không biết chữ Hán.....	
Phương pháp an Tử-vi và chuyển cung	
thuộc Hỏa lục cục	
Phương pháp an Tử-vi và chuyển cung.....	
thuộc Thổ ngũ cục	
Phương pháp an Tử-vi và chuyển cung.....	
thuộc Kim tứ cục	
Phương pháp an Tử-vi và chuyển cung.....	
thuộc Mộc tam cục.....	
Phương pháp an Tử-vi	
thuộc Thủy nhị cục.....	

CHƯƠNG 3

Phân định âm dương của tuổi sinh	
Phép an Tử-vi và Thiên-phủ	
Phép an chư tinh.....	
Nguyên tắc an sao Tuần Triệt.....	
Định ngũ hành bản mệnh.....	
Phương pháp tính tuổi trên bàn tay	
Hà-đồ Lạc Thư.....	
Ngũ hành mệnh lý.....	
Âm dương lý	
Định lý về ngũ cục.....	
Vòng Tràng sinh.....	
thuộc Dương cục và Âm cục.....	
Kiểm định sao Tuyệt	

CHƯƠNG 4

Tính lý chư tinh tại Mệnh –viên	
---------------------------------------	--

CHƯƠNG 5

Liệt kê 12 chu kỳ của sao Tử-vi	
---------------------------------------	--

CHƯƠNG 6

Tính lý chư tinh an tại 12 cung.....	
Thái-dương.....	
Vũ-khúc	

Thiên-đồng
Liêm-trình Thái-âm
Tham-lang
Cự-môn Thiên-tướng
Thiên-lương.....
Thất-sát
Phá-quân.....
Xương-khúc.....
Phu-bật.....
Khôi-việt, Thanh-long

Chư tinh an tại cung Huynh-Đệ.....
Chư tinh an tại cung Phu-Thê
Chư tinh an tại cung Tài-Bạch
Chư tinh an tại cung Tật-Ách
Chư tinh an tại cung Thiên-Di
Chư tinh an tại cung Bộc-Dịch
Chư tinh an tại cung Quan-Lộc
Chư tinh an tại cung Điền-Trạch
Chư tinh an tại cung Phụ-Mẫu
Chư tinh an tại cung Tử-Đức
Chư tinh an tại cung Phúc Đức.....

CHƯƠNG 7

Tính lý chư tinh tại Nữ Mạnh.....
Chư tinh đặc địa tại 12 cung

CHƯƠNG 8

Luận các cách của Đẩu số.....
Phép xem trẻ sơ sinh
Cách xem lưu niên vận hành đại hạn và tiểu hạn
Các tạp cách cục
Các vị sao chỉ về cơ thể và vật dụng

CHƯƠNG 9

Mạnh-viên tương quan 12 cung

CHƯƠNG 10

Tử-vi phú.....
Các lá số đề tập đoán
Mục chữ Hán để an 1 lá số
Nhận định chung về Tử-vi đẩu số

